

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9 /2021

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14/ 9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/ 8 /2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ Kh, sinh năm 1981; Địa chỉ: tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Công D, sinh năm 1979; Địa chỉ: tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dạ Kh trình bày: Tôi và ông Bùi Công D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống chúng tôi phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái, không có sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông lẫn nhau, cuộc sống gia đình nặng nề và căng thẳng, đồng thời ông Bùi Công D đã có quan hệ bất chính với

người phụ nữ khác, không chung thủy trong hôn nhân. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Nay tôi nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Công D.

Về con chung: Quá trình chung sống từ năm 2004 đến nay chúng tôi có 02 con chung tên Bùi Diệu Q, sinh ngày 07/8/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011. Hiện nay các con chung đang sống cùng với tôi. Tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung Bùi Diệu Q và Bùi Tiến D cho đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông Bùi Công D cấp dưỡng nuôi dưỡng hai con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày toà án xét xử ngày 14/9/2021 cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay ông Bùi Công D làm công việc chạy xe dịch vụ vận chuyển hàng hoá, thu nhập không ổn định khoảng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng một tháng. Tháng ít nhất cũng từ 10.000.000 đồng trở lên.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Công D mặc dù đã được toà án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và triệu tập ông D nhiều lần đến toà giải quyết vụ án nhưng ông D cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, nên toà án giải quyết vắng mặt ông D theo luật định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn cố tình trốn tránh trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, bà Kh và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật từ năm 2004. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, và mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, nên đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn cho bà Kh được ly hôn với ông D. Về con chung: cần chấp nhận yêu cầu của bà Kh giao hai con chung Bùi Diệu Q, sinh ngày 07/8/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung cần chấp nhận một phần yêu cầu buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Kh với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng/con cho đến tuổi trưởng

thành. Về tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra đề giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự.

-[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Công D mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng, đã biết được việc khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của bà Kh và đã triệu tập ông D nhiều lần đến toà giải quyết vụ án nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kh, nên không thể hoà giải đoàn tụ được theo quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông D vắng mặt lần thứ hai, việc vắng mặt của ông D là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc tòa án giải quyết vắng mặt quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Kh và ông Bùi Công D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 12/2020 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà Kh là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái, không có sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông lẫn nhau, cuộc sống gia đình nặng nề và căng thẳng, đồng thời ông Bùi Công D đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chung thủy trong hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tòa án hoà giải nhưng bà Kh xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn, còn ông D vắng mặt nên tòa án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ cho hai vợ chồng được. Xét yêu cầu ly hôn của bà Kh thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kh để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống khác

phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà Kh và ông D có 02 con chung là Bùi Diệu Q, sinh ngày 07/8/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011, hiện nay các con chung đang sống cùng với bà Kh. Xét yêu cầu về con chung thì thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đồng thời để con chung được nuôi dưỡng và phát triển về mọi mặt, do ông D vắng mặt, không có ý kiến về con chung, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến của con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Kh và nguyện vọng của con chung. Giao 02 con chung Bùi Diệu Q, sinh ngày 07/8/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Kh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật thì mỗi người phải có trách nhiệm nuôi 01 con chung nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà Kh buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con chung Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Kh mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ ngày 14/ 9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi là phù hợp với thu nhập của ông D hiện nay chạy xe dịch vụ vận chuyển hàng hoá cũng như phù hợp với mức lương tối thiểu do nhà nước quy định, ông D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. .

[3.3] *Về tài sản và công nợ chung*: Bà Kh không yêu cầu giải quyết, còn ông D không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Bà Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và ông D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dạ Kh.

- *Về hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị Dạ Kh được ly hôn với ông Bùi Công D.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung Bùi Diệu Q, sinh ngày 07/8/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Kh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Tiến D, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Kh mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 14/9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. ông D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Bà Kh không yêu cầu giải quyết, còn ông D không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Dạ Kh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0007093 ngày 04/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, Bùi Công D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND x. E, tx Buôn Hồ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HOÀNG MINH CHÚC

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 40 phút ngày 14/ 9/2021.

Tại trụ sở TAND thị xã Buôn Hồ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ Kh, sinh năm 1981; Địa chỉ: tổ dân phố Tân Bình, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị đơn: Ông Bùi Công D, sinh năm 1979; Địa chỉ: tổ dân phố Tân Bình, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

1.Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về căn cứ pháp luật áp dụng:- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3.Các quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dạ Kh.

- *Về hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị Dạ Kh được ly hôn với ông Bùi Công D.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung Bùi Diệu Quỳnh, sinh ngày 07/8/2005 và Bùi Tiến Dũng, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Khen được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung buộc ông Duy có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Tiến Dũng, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Khen mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ ngày 14/9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. ông Duy được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Bà Khen không yêu cầu giải quyết, còn ông Duy không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Dạ Kh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0007093 ngày 04/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, Bùi Công D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Kết quả biểu quyết các vấn đề trên 3/3, không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày và đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHÚC